DOI: 10.56794/KHXHVN.8(200).3-10

Mức độ hài lòng của trẻ vị thành niên với cuộc sống và các yếu tố ảnh hưởng

Trần Quý Long*

Nhận ngày 11 tháng 4 năm 2024. Chấp nhận đăng ngày 21 tháng 6 năm 2024.

Tóm tắt: Bài viết[1] tập trung phân tích mức độ hài lòng với cuộc sống của trẻ vị thành niên tuổi trung học ở các địa bàn khảo sát. Kết quả nghiên cứu cho thấy, vị thành niên tuổi trung học hài lòng với cuộc sống ở mức độ vừa phải. Các yếu tố đặc trưng cá nhân và gia đình được đưa vào phân tích đều có ảnh hưởng đến mức độ hài lòng với cuộc sống của vị thành niên, trong đó yếu tố vị thành niên có mối quan hệ tốt với bố mẹ có tác động mạnh nhất. Mức độ hài lòng với cuộc sống của vị thành niên tăng lên khi gia đình có mức sống tốt hơn, bố mẹ quan tâm chăm sóc vấn đề giải trí nhiều hơn, có mối quan hệ với bố mẹ tốt hơn, và bố mẹ ít có cảm xúc tiêu cực hơn.

Từ khóa: Vị thành niên, trẻ em, hài lòng với cuộc sống, chất lượng cuộc sống, phát triển trẻ em.

Phân loại ngành: Xã hội học

Abstract: The article focuses on analyzing the life satisfaction level of high school adolescents in the surveyed areas. Results show that high school adolescents are satisfied with life at a moderate level. The individual and family characteristics included in the analysis all affect their life satisfaction level, in which the factor that adolescents have a good relationship with their parents has the strongest impact. Adolescents' life satisfaction increases when the family has a higher living standard, parents care more about entertainment, they have a better relationship with their parents, and parents have less negative emotions.

Keywords: Adolescent, children, life satisfaction, quality of life, children development.

Subject classification: Sociology

1. Đặt vấn đề

Sự hài lòng với cuộc sống là một chỉ báo phản ánh chất lượng cuộc sống một cách rõ nét nhất vì nó giúp đánh giá mỗi cá nhân đã phát triển tốt như thế nào. Sự hài lòng với cuộc sống của mỗi cá nhân là mức độ đánh giá tích cực về chất lượng cuộc sống tổng thể. Những cá nhân hài lòng với cuộc sống thường có sự trải nghiệm về những căng thẳng trong cuộc sống ở mức độ thấp, nhờ đó có đời sống tinh thần tốt đẹp, sung mãn và phát triển.

Khi hài lòng với cuộc sống, vị thành niên tin rằng mọi thứ đều tốt đẹp, có thể kích thích sự sáng tạo, khả năng học hỏi và nhận thức thế giới xung quanh cũng như tạo cho trẻ có sự tự tin và nhờ đó bản thân trẻ vị thành niên cũng sẽ làm nên những điều tốt đẹp. Những trẻ vị thành niên hài lòng với cuộc sống thường có tinh thần lạc quan và tính tích cực trong giải quyết vấn đề và sẽ cảm thấy hạnh phúc. Nói cách khác, hài lòng với cuộc sống là cơ sở để trẻ vị thành niên hào hứng với các hoạt động sinh hoạt, học tập, lao động hàng ngày, từ đó thúc đẩy những tiềm năng và sức sáng tạo trong mỗi cá nhân.

* Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: tranquylong@gmail.com

[1] Bài viết là một phần kết quả của đề tài cấp bộ: "Chăm sóc đời sống tinh thần cho trẻ vị thành niên trong gia đình ở khu vực Bắc Bộ" do Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới chủ trì.

Vị thành niên trong độ tuổi trung học (bao gồm trung học cơ sở và trung học phổ thông) từ 11 đến 17 tuổi là lứa tuổi quá độ chuyển tiếp từ thiếu niên lên thanh niên. Nhóm xã hội này đã có những thể hiện trong ý muốn trở thành người lớn, có nhu cầu cao trong việc thể hiện bản thân. Nếu không được đáp ứng ở một mức độ nào đó những nhu cầu này thì vị thành niên rất có khả năng cảm thấy không hài lòng với cuộc sống. Vì thế nghiên cứu về hài lòng với cuộc sống không chỉ có ý nghĩa đối với sự phát triển của vị thành niên mà còn đáp ứng nhu cầu thúc đẩy các vấn đề chăm sóc đời sống tinh thần, chất lượng sống của vị thành niên.

Hài lòng với cuộc sống là nhận thức, cảm giác hoặc thái độ tích cực của một cá nhân về cuộc sống của họ. Có rất nhiều yếu tố khác nhau ảnh hưởng đến mức độ hài lòng cuộc sống của mỗi người nói chung cũng như của vị thành niên tuổi trung học nói riêng. Mục đích của nghiên cứu này nhằm tìm hiểu mức độ hài lòng với cuộc sống của vị thành niên tuổi trung học nhằm cung cấp một cái nhìn tổng quát và từ đó đề xuất những ý kiến đóng góp để cải thiện điều kiện sống cả về vật chất và tinh thần cho vị thành niên trở nên tốt đẹp và tích cực hơn.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Số liệu

Số liệu phân tích trong nghiên cứu được sử dụng từ cuộc khảo sát trong khuôn khổ đề tài cấp bộ: "Chăm sóc đời sống tinh thần cho trẻ vị thành niên trong gia đình ở khu vực Bắc Bộ" do Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới chủ trì. Đề tài đã tiến hành khảo sát 518 vị thành niên học sinh trong độ tuổi trung học (bao gồm trung học cơ sở và trung học phổ thông) ở hai tỉnh Thái Bình và Sơn La. Tại mỗi tỉnh, chọn 1 trường trung học phổ thông và 1 trường trung học cơ sở tại cả hai khu vực thành thị và nông thôn. Đối với Thái Bình, mỗi khu vực chọn 150 học sinh chia đều cho hai bậc học với tổng số mẫu là 300 học sinh. Tương tự, mỗi khu vực ở tỉnh Sơn La chọn 100 học sinh chia đều cho hai bậc học với tổng số mẫu là 200 học sinh. Tổng cộng số mẫu được chọn ở hai tỉnh là 500 học sinh trung học và cộng thêm 18 học sinh dôi dư trong quá trình khảo sát. Trong số vị thành niên học sinh tuổi trung học được khảo sát, có 253 nam (48,8%) và 265 nữ (51,2%). Chia theo nơi cư trú, một nửa vị thành niên được khảo sát ở khu vực thành thị và một nửa ở khu vực nông thôn. Có 103 vị thành niên học sinh là người dân tộc thiểu số ở tỉnh Sơn La và chia đều tương đương nhau ở hai bậc học trung học cơ sở và trung học phổ thông.

2.2. Biến số

Biến số phụ thuộc của nghiên cứu là mức độ hài lòng với cuộc sống. Đây là biến số thứ bậc theo thang đo Likert 5 bậc thể hiện mức độ hài lòng với cuộc sống của vị thành niên ở các địa bàn khảo sát có giá trị từ 1 (không hài lòng) đến 5 (hoàn toàn hài lòng).

Các biến số độc lập (biến số dự báo) đáng quan tâm trong nghiên cứu này là các biến số đặc trưng nhân khẩu học xã hội cá nhân của vị thành niên và đặc điểm gia đình. Tùy theo tính chất, các biến số độc lập có thể là biến nhị phân hoặc biến số thứ bậc. Biến số nhị phân bao gồm giới tính có giá trị 1 là nữ và 0 là nam; dân tộc với giá trị 1 là dân tộc Kinh và 0 là dân tộc thiểu số; mức sống với giá trị 1 là trên trung bình (bao gồm khá giả và giàu) và 0 là trung bình trở xuống đến nghèo; nơi cư trú với giá trị 1 là nông thôn và 0 là thành thị. Các biến số thứ bậc bao gồm tuổi vị thành niên với sự phân phối từ 11 đến 17 tuổi; biến số tình trạng sức khỏe có giá trị thấp nhất là 1 tương đương với sức khỏe yếu đến giá trị 5 cao nhất là sức khỏe rất tốt.

Các biến số phản ánh đặc điểm gia đình được đưa vào phân tích bao gồm: Bố mẹ dành thời gian tâm sự với vị thành niên, bố mẹ cho vị thành niên thời gian vui chơi giải trí, cảm xúc tiêu cực của bố mẹ và mối quan hệ với bố mẹ của vị thành niên. Những biến số này được đo lường bằng thang đo Likert 5 bậc với giá trị 1 là thấp nhất và giá trị 5 là cao nhất.

2.3. Kỹ thuật phân tích

Tìm hiểu sự khác biệt giữa các nhóm khác nhau về đặc trưng nhân khẩu học cá nhân và gia đình đối với mức độ hài lòng cuộc sống của vị thành niên được phân tích dựa trên kỹ thuật tính giá trị trung bình. Sau khi tìm hiểu từng yếu tố đơn lẻ ảnh hưởng hoặc có mối liên hệ, bài viết xây dựng mô hình hồi quy đa biến lý giải sự tác động của nhiều biến số trong một mô hình về mức độ hài lòng với cuộc sống của vị thành niên. Mô hình hồi quy đa biến là phương trình mô tả mối quan hệ giữa biến phụ thuộc y với các biến độc lập x1, x2, ... xp và số hạng sai số e. Phương trình hồi quy được tính như sau: y = b0 + b1x1 + b2x2 + ... + bpxp + e, trong đó b0, b1, b2, ... bp là các tham số, và e là biến ngẫu nhiên gọi là số hạng sai số.

Với biến số phụ thuộc đã cho mang tính chất rời rạc, kỹ thuật hồi quy tuyến tính được nghiên cứu sử dụng để phân tích. Hồi quy tuyến tính là một phương pháp cố gắng quy các điểm rời rạc của dữ liệu về một đường thẳng theo phương pháp bình phương nhỏ nhất thông thường (OLS). Trong kỹ thuật phân tích hồi quy đa biến, đối với các biến số độc lập mang tính chất phân loại nhiều giá trị, một giá trị sẽ không được đưa vào mô hình mà để dùng so sánh (hay còn gọi giá trị/nhóm tham chiếu) với các giá trị/nhóm khác, ví dụ, đối với biến số dân tộc thì nhóm dân tộc thiểu số không được vào mô hình phân tích và được dùng là nhóm so sánh (được mã hóa = 0), còn biến số dân tộc Kinh được được mã hóa = 1.

2.4. Tiếp cận nghiên cứu

Bài viết tiếp cận lý thuyết về hài lòng với cuộc sống do Daniel M. Haybron (2016) khởi xướng. Theo đó, sự hài lòng với cuộc sống của một cá nhân diễn ra tương đối tốt đẹp dựa trên chuẩn mực của người đó. Và khi đặt mọi thứ lại với nhau, con người cho là cuộc sống có đủ những thứ mà họ quan tâm, cho nên sự hài lòng với cuộc sống là sự đánh giá chung nhất về cuộc sống của con người. Daniel M. Haybron cũng cho rằng, hài lòng với cuộc sống có vẻ vô cùng quan trọng bởi vì nó lưu dấu các giá trị của con người. Thông tin hài lòng về cuộc sống được phân chia theo các nhóm xã hội khác nhau và một nhóm hài lòng với cuộc sống hơn một nhóm khác có thể cung cấp thông tin về cấp độ của mức độ toại nguyện. Thông thường người có sự hài lòng với cuộc sống có sự khẳng định hài lòng hơn với những thứ cụ thể trong cuộc sống của mình và có nhận thức tốt hơn về các giá trị trong cuộc sống. Do đó, việc nắm bắt được thông tin mọi người nhìn nhận cuộc sống của mình diễn ra như thế nào là rất quan trọng (Daniel M. Haybron, 2016).

3. Kết quả nghiên cứu

Kết quả phân tích số liệu cho thấy, điểm trung bình về mức độ hài lòng với cuộc sống của vị thành niên tuổi trung học trong mẫu khảo sát là 3,12 với độ lệch chuẩn là 1,108 (N=518) và như vậy sự hài lòng với cuộc sống của vị thành niên ở mức độ trung bình. Kết quả này phản ánh thực tế phát triển tâm sinh lý của vị thành niên tuổi trung học. Vị thành niên tuổi trung học là nhóm dễ có những tổn thương tâm lý khi gặp những khó khăn trong cuộc sống vì thế mức độ hài lòng với cuộc sống chưa cao. Qua đó cho thấy, khách thể nghiên cứu vị thành niên với những đặc điểm nhân khẩu học xã hội và đặc điểm gia đình khác nhau rất có thể có những ảnh hưởng khác nhau đối với mức độ hài lòng với cuộc sống. Những vị thành niên hài lòng với cuộc sống là những cá nhân đang có những trải nghiệm cảm xúc tích cực và ít có cảm xúc tiêu cực trong cuộc sống và đánh giá chủ quan của nhóm này dựa trên chất lượng cuộc sống của mình mà không cần so sánh với bất kỳ chuẩn mực nào. Hài lòng với cuộc sống ở mức độ cao hơn giúp vị thành niên hào hứng với các hoạt động học tập và sinh hoạt hàng ngày, từ đó thúc đẩy tiềm năng và sự sáng tạo trong mỗi cá nhân. Nhóm vị thành niên này có trải nghiệm về những căng thẳng trong cuộc sống ở mức độ thấp và nhờ đó có tinh thần lạc quan và đời sống

tinh thần viên mãn, có thể hạn chế được nguy cơ suy giảm chất lượng cuộc sống. Ngược lại, vị thành niên có mức độ hài lòng với cuộc sống thấp là điều rất đáng được quan tâm. Cần có các biện pháp phù hợp để cải thiện mức độ hài lòng với cuộc sống của vị thành niên, nhóm xã hội có tuổi đời còn rất trẻ và cuộc sống chủ yếu gắn liền với gia đình và nhà trường.

Kết quả phân tích tương quan về mối quan hệ giữa các biến số độc lập và mức độ hài lòng với cuộc sống của vị thành niên cho thấy có sự khác biệt rất có ý nghĩa thống kê ($p < 0,001$) về mức độ hài lòng với cuộc sống theo giới tính. Theo đó, nhóm vị thành niên nam có điểm số trung bình về mức độ hài lòng với cuộc sống cao hơn nhóm vị thành niên nữ (3,32 so với 2,92). Nhóm vị thành niên dân tộc Kinh có điểm số trung bình hài lòng với cuộc sống cao hơn so với nhóm vị thành niên dân tộc thiểu số (3,20 so với 2,81) với mức ý nghĩa thống kê $p < 0,001$. Xét về khu vực cư trú thành thị hay nông thôn, kết quả phân tích cho thấy số điểm trung bình về hài lòng với cuộc sống của vị thành niên ở khu vực thành thị cao hơn so với nhóm vị thành niên ở khu vực nông thôn (3,34 so với 2,90) và rất có ý nghĩa thống kê ($p < 0,001$). Tình trạng sức khỏe có mối quan hệ đồng biến với mức độ hài lòng cuộc sống của vị thành niên. Nghĩa là, vị thành niên có tình trạng sức khỏe tốt hơn thì có mức độ hài lòng với cuộc sống cao hơn. So với nhóm vị thành niên ở gia đình có mức sống từ trung bình trở xuống, vị thành niên ở gia đình có mức sống khá giả trở lên có điểm số mức độ hài lòng với cuộc sống cao hơn, 3,35 so với 3,04 ($p < 0,05$).

Các biến số phản ánh đặc điểm gia đình và mối quan hệ với bố mẹ có mối quan hệ rất có ý nghĩa thống kê với mức độ hài lòng với cuộc sống của vị thành niên. Theo đó, vị thành niên cho rằng bố mẹ dành nhiều thời gian tâm sự, tạo điều kiện cho nhiều thời gian giải trí hơn, mức độ hài lòng về mối quan hệ với bố mẹ cao hơn thì điểm số trung bình hài lòng với cuộc sống của vị thành niên cao hơn với hệ số tương quan lần lượt là 0,317, 0,255 và 0,258. Ngược lại, bố mẹ có cảm xúc tiêu cực ở mức độ cao hơn có mối quan hệ ngược chiều với mức độ hài lòng với cuộc sống của vị thành niên với hệ số tương quan là -0,267.

Bảng 1 trình bày kết quả ước lượng mô hình hồi quy đa biến bằng kỹ thuật OLS nhằm tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng với cuộc sống của vị thành niên. Các yếu tố tiềm năng có thể ảnh hưởng đến mức độ hài lòng với cuộc sống của vị thành niên được thể hiện ở cột thứ nhất. Cột thứ hai của bảng thể hiện các hệ số hồi quy (Coef.) thu được thông qua quá trình tính toán. Hệ số hồi quy được dùng để so sánh về mức độ hài lòng với cuộc sống của vị thành niên giữa nhóm được nghiên cứu với nhóm được dùng làm tham khảo của mỗi biến số độc lập trong điều kiện tính đến sự ảnh hưởng của các biến số độc lập khác có trong mô hình. Nếu hệ số mang dấu âm (-) cho biết nhóm vị thành niên với đặc trưng đang xem xét có mức độ hài lòng với cuộc sống thấp hơn so với nhóm so sánh. Ngược lại, giá trị của hệ số không có dấu âm cho biết rằng nhóm vị thành niên với đặc trưng đang xem xét có mức độ hài lòng với cuộc sống cao hơn so với nhóm so sánh. Những cột tiếp theo thể hiện sai số chuẩn, giá trị t và mức ý nghĩa thống kê ($P> | t |$). Các mức ý nghĩa thống kê được xem xét là nhỏ hơn 0,05. Hai cột cuối cùng của bảng thể hiện giá trị cận trên và cận dưới của khoảng tin cậy 95%.

Kết quả phân tích được trình bày ở bảng 1 cho thấy, các hệ số hồi quy trong mô hình đều có ý nghĩa thống kê và phương trình khá phù hợp với số liệu với R điều chỉnh bình phương (Adj R-squared) bằng 0,254. Qua đó cho thấy sự biến thiên trong mức độ hài lòng với cuộc sống của vị thành niên được giải thích bởi 25,4% từ những biến số độc lập đang có trong mô hình hồi quy đa biến.

Yếu tố đầu tiên của đặc trưng cá nhân vị thành niên được xem xét là giới tính. Kết quả ước lượng hồi quy đa biến cho thấy, vị thành niên nữ có mức độ hài lòng với cuộc sống thấp hơn so với vị thành niên nam. Khi tính đồng thời tác động của các biến số độc lập khác có trong mô hình, mức độ hài lòng với cuộc sống của vị thành niên nữ thấp hơn 0,24 đơn vị so với vị thành niên nam và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê (Coef. = -0,24; 95% CI: -0,42--0,07;

P> | t | = 0,006). Điều này có thể được giải thích bởi thực tế rằng, nữ vị thành niên quan tâm nhiều hơn so với nam vị thành niên về những điều mà bố mẹ nghĩ về mình, dễ bị tổn thương và nhạy cảm hơn nhiều trước những lời phê bình, chế nhạo. Thêm vào đó, ở lứa tuổi lớn hơn, nữ vị thành niên càng có nhiều trách nhiệm gia đình phải gánh vác dẫn đến việc học tập bị gián đoạn và ảnh hưởng tiêu cực đến tinh thần lạc quan cũng như mức độ hài lòng với cuộc sống của các em. Theo một nghiên cứu, các em gái tâm sự rằng, gánh nặng việc nhà và trách nhiệm chăm sóc khiến các em cảm thấy căng thẳng nhất. Các em gái cảm thấy áp lực nặng nề từ phía cha mẹ và thường bị so sánh với các anh chị em trong gia đình (ODI, Unicef, 2018). Qua đó cho thấy, việc chú trọng đầu tư, chăm sóc và tạo điều kiện, giảm bớt sự thiệt thòi cho vị thành niên nữ trong việc phát triển các khía cạnh của đời sống vật chất và tinh thần là rất cần thiết nhằm cải thiện mức độ hài lòng với cuộc sống của nhóm này.

Kết quả ước lượng hồi quy đa biến cho thấy, tuổi là một biến số quan trọng và có mối quan hệ nghịch biến với mức độ hài lòng với cuộc sống của vị thành niên khi tính đến tác động của các biến số độc lập khác trong mô hình. Khi tăng thêm 1 tuổi thì điểm số trung bình hài lòng với cuộc sống của vị thành niên lại giảm xuống 0,07 đơn vị và có ý nghĩa thống kê (P> | t | = 0,004). Qua đó cho thấy sự hài lòng với cuộc sống của vị thành niên giảm theo độ tuổi. Kết quả này tương đồng với một số nghiên cứu trước đây khi nhận xét rằng, sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em giảm đi khi lớn lên (Dorota Strózik và cộng sự, 2016; Haridhan Goswami, 2014; Ngô Thị Hoàng Giang, 2022). Có thể cho rằng, càng ở độ tuổi lớn hơn thì nhiệm vụ học tập càng nặng, áp lực học tập, chia sẻ công việc với gia đình càng tăng khiến cho vị thành niên lớn tuổi hơn có nhiều lo lắng hơn vì thế làm giảm mức độ hài lòng với cuộc sống. Thêm vào đó, vị thành niên càng lớn tuổi hơn thì càng xuất hiện nhiều vai trò của người lớn hơn, hoạt động ngày càng phong phú và phức tạp hơn, vai trò xã hội và hứng thú xã hội không chỉ mở rộng về số lượng và phạm vi mà còn biến đổi cả về chất lượng vì thế mức độ hài lòng với cuộc sống phần nào giảm xuống.

Kết quả phân tích cho thấy, vị thành niên tộc Kinh có điểm số trung bình về hài lòng với cuộc sống cao hơn nhóm vị thành niên người dân tộc thiểu số 0,31 điểm và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê (P> | t | = 0,018). Có thể do điều kiện kinh tế xã hội cũng như đời sống vật chất và tinh thần của vị thành niên dân tộc Kinh tốt hơn nên nhóm này có mức độ hài lòng với cuộc sống cao hơn nhóm vị thành niên dân tộc thiểu số.

Bảng 1. Mô hình hồi quy đa biến về tác động của các yếu tố đến mức độ hài lòng với cuộc sống của vị thành niên (Kỹ thuật OLS)

Các yếu tố	Coef.	Std. Err.	t	P> | t |	[95% Conf. Interval]	
Giới tính (Nữ=1)	-0,24	0,09	-2,75	0,006	-0,42	-0,07
Tuổi	-0,07	0,03	-2,93	0,004	-0,12	-0,02
Dân tộc (Kinh=1)	0,31	0,13	2,38	0,018	0,05	0,56
Tình trạng sức khỏe	0,20	0,08	2,68	0,008	0,05	0,35
Mức sống gia đình	0,13	0,08	2,52	0,010	-0,04	0,29
Nơi cư trú (Nông thôn=1)	-0,24	0,10	-2,36	0,019	-0,43	-0,04
Bố mẹ dành thời gian tâm sự	0,17	0,04	3,97	0,000	0,09	0,25
Bố mẹ cho vui chơi giải trí	0,12	0,05	2,51	0,012	0,03	0,22
Mối quan hệ với bố mẹ	0,16	0,05	3,37	0,001	0,07	0,25
Bố mẹ có cảm xúc tiêu cực	-0,12	0,04	-2,87	0,004	-0,21	-0,04
Số lượng mẫu (N) = 518, Adj R-squared = 0,254						

Nguồn: Tính toán của tác giả

Nếu giữ nguyên ảnh hưởng của các biến số độc lập khác có trong mô hình thì tác động của biến số tình trạng sức khỏe vẫn được duy trì đối với mức độ hài lòng với cuộc sống của vị thành niên và sự tác động này là đồng biến. Nói cách khác, trong cùng một điều kiện được xác định bởi các biến số độc lập khác có trong mô hình, vị thành niên có tình trạng sức khỏe tốt hơn thì có mức độ hài lòng với cuộc sống cao hơn. Có thể nói, tình trạng sức khỏe là một yếu tố ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự hài lòng với cuộc sống của vị thành niên. Vì thế, nhóm dân số này tích cực hoạt động và rèn luyện để có một sức khỏe tốt sẽ phần nào giảm bớt những cảm xúc tiêu cực và có mức độ hài lòng với cuộc sống cao hơn.

Điều kiện kinh tế gia đình là một trong những biến số cần xem xét liên quan đến mức độ hài lòng với cuộc sống của vị thành niên. Theo kết quả phân tích, trong cùng điều kiện xác định bởi các biến số độc lập khác có trong mô hình, mức sống của hộ gia đình ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê đến mức độ hài lòng với cuộc sống của vị thành niên và mức sống cao hơn thì khả năng vị thành niên hài lòng với cuộc sống ở mức độ cao hơn (Coef. = 0,13; 95% CI: -0,04-0,29; P> | t | = 0,010). Kết quả này có thể là do những gia đình có mức sống cao hơn có khả năng đáp ứng tốt hơn những mong muốn, nhu cầu vật chất và tinh thần cho nên vị thành niên có mức độ hài lòng với cuộc sống cao hơn. Ngược lại, rất nhiều khó khăn từ đời sống vật chất, tinh thần đến với vị thành niên ở những gia đình có mức sống thấp hơn nên nhóm này có mức độ hài lòng với cuộc sống thấp hơn. Theo một nghiên cứu, gia đình có địa vị kinh tế - xã hội khá giả giúp giảm nhẹ các căn nguyên dẫn đến căng thẳng ở thanh thiếu niên (ODI, Unicef, 2018).

Các biến số thể hiện mối quan hệ, sự quan tâm chăm sóc của bố mẹ ảnh hưởng tích cực có ý nghĩa thống kê đến mức độ hài lòng với cuộc sống của vị thành niên. Kết quả phân tích cho thấy, ở những gia đình mà bố mẹ dành nhiều thời gian để tâm sự trò chuyện với vị thành niên thì mức độ hài lòng với cuộc sống của các em cao hơn. Sự ảnh hưởng của biến số này rất có ý nghĩa thống kê và thể hiện mạnh nhất trong mô hình (Coef. = 0,17; 95% CI: 0,09-0,25; P> | t | = 0,000). Ngược lại, mức độ hài lòng với cuộc sống của vị thành niên thấp hơn ở những gia đình bố mẹ dành ít thời gian tâm sự, trò chuyện với các em. Điều này phản ánh thực tế, do sức ép của công việc và lao động kiếm sống nên một số bậc bố mẹ gặp khó khăn hạn chế trong việc dành thời gian chăm sóc đời sống tinh thần cho con, vì thế mức độ hài lòng với cuộc sống của vị thành niên thấp hơn. Một nghiên cứu cho thấy, vị thành niên khẳng định việc cha mẹ dành thời gian cho con là rất quan trọng để cha mẹ và con có thể hiểu nhau hơn (ODI, Unicef, 2018). Nghiên cứu của một số tác giả trước đó cũng cho thấy kết quả tương tự khi nhấn mạnh rằng sự quan tâm, lắng nghe, hỗ trợ của cha mẹ là một trong những yếu tố quan trọng giúp trẻ cảm thấy hài lòng với cuộc sống (Ferran Casas và cộng sự, 2013; Trương Thị Khánh Hà và cộng sự, 2017). Dành thời gian trò chuyện với nhau không chỉ là để truyền đạt thông tin mà còn là cách để bày tỏ tình cảm. Việc bố mẹ dành thời gian gần gũi, trao đổi tâm tình là yếu tố rất quan trọng có ảnh hưởng đến mức độ hài lòng với cuộc sống của con tuổi vị thành niên. Các bậc bố mẹ cần phải đồng hành và thực sự là người bạn lớn của con trong suốt cuộc đời, đặc biệt là ở lứa tuổi vị thành niên. Vì vậy, tăng cường sự gắn kết giữa bố mẹ và con tuổi vị thành niên trên cơ sở dành thời gian tâm sự, trò chuyện cần được các bậc bố mẹ đặc biệt quan tâm bởi yếu tố này là điều kiện cốt lõi để vị thành niên có cơ hội có môi trường xã hội thuận lợi cho sự phát triển chất lượng cuộc sống và nâng cao đời sống tinh thần.

Việc bố mẹ tạo điều kiện có nhiều thời gian vui chơi giải trí hơn có tác động đồng biến với mức độ hài lòng với cuộc sống của vị thành niên. Theo đó, khi vị thành niên cho rằng được bố mẹ đáp ứng thời gian vui chơi giải trí càng đủ thì càng có mức độ hài lòng với cuộc sống cao hơn. Điều này cho thấy, để nâng cao chất lượng cuộc sống của vị thành niên và mang lại cho trẻ sự hài lòng với cuộc sống của mình, các bậc bố mẹ không nên đặt quá nhiều yêu cầu, áp lực về việc học tập đối với vị thành niên. Thay vào đó, gia đình cần dành cho vị thành niên có nhiều thời gian hơn để trẻ tham gia các hoạt động vui chơi, được đáp ứng các hoạt động sở thích.

Vị thành niên tuổi trung học có mối quan hệ với bố mẹ ở mức độ càng tốt thì có mức độ hài lòng với cuộc sống càng cao (Coef. = 0,16; 95% CI: 0,07-0,25; P> | t | = 0,001). Sự ảnh hưởng của biến số này rất có ý nghĩa thống kê và cao thứ hai trong mô hình. Có thể thấy rằng, quan hệ giữa cha mẹ - con là một mối quan hệ rất cơ bản trong gia đình, mối quan hệ này ảnh hưởng đến hòa khí và hạnh phúc của gia đình và qua đó nó cũng có ảnh hưởng đến mức độ hài lòng với cuộc sống của vị thành niên. Có thể những căng thẳng, không hài lòng trong mối quan hệ với bố mẹ làm cho vị thành niên chìm đắm vào nhiều suy nghĩ, khổ đau và căng thẳng của riêng bản thân mình và từ đó có sự không hài lòng với cuộc sống. Theo một nghiên cứu, gia đình có mối quan hệ tình cảm bền chặt là một yếu tố bảo vệ quan trọng giúp trẻ vị thành niên tránh khỏi những căng thẳng tâm lý xã hội. Vị thành niên cảm nhận được sự yêu thương nhiều nhất từ cha mẹ và thấy hạnh phúc khi có thể chia sẻ cảm xúc và những mối quan tâm với cha mẹ (ODI, Unicef, 2018). Có thể thấy, mối quan hệ giữa bố mẹ - con tuổi vị thành niên gắn kết với nhau bởi sự yêu thương, chăm sóc và bảo vệ, khi mối quan hệ với bố mẹ càng tốt thì làm cho mức độ hài lòng với cuộc sống của vị thành niên càng tăng lên. Do đó, cần phải đặt ra yêu cầu tăng cường sự chia sẻ, lắng nghe và có thái độ thấu hiểu, phản ứng tích cực của các bậc bố mẹ trong quá trình thực hành mối quan hệ bố mẹ - con tuổi vị thành niên. Bố mẹ có mối quan hệ tốt với con tuổi vị thành niên sẽ làm cho các em có mức độ hài lòng với cuộc sống cao hơn.

Theo kết quả phân tích, ở những gia đình mà bố mẹ có những cảm xúc tiêu cực như lo âu, giận dữ, căng thẳng cao hơn thì mức độ hài lòng với cuộc sống của vị thành niên lại giảm xuống. Theo đó, khi bố mẹ có cảm xúc tiêu cực càng tăng thì làm cho điểm số trung bình trong mức độ hài lòng với cuộc sống của vị thành niên giảm 0,12 đơn vị (Coef. = -0,12; 95% CI: -0,21--0,04; P> | t | = 0,004). Qua đó cho thấy, các bậc bố mẹ cần phải có suy nghĩ nghiêm túc và có cách khắc phục để vượt qua những cảm xúc tiêu cực của bản thân nhằm tạo một môi trường sống tích cực, bình an và thực hiện tốt vai trò làm cha mẹ nhờ đó làm cho mức độ hài lòng với cuộc sống của vị thành niên được cải thiện và nâng cao hơn. Thêm vào đó, điều tiết cảm xúc cần được tập từ nhỏ và phải được rèn luyện như một kỹ năng mềm. Các bậc bố mẹ dạy con có cảm xúc tích cực từ nhỏ bằng chính cách thể hiện cảm xúc tích cực của mình. Cách bố mẹ chăm sóc, hướng dẫn điều tiết cảm xúc cho con có hiệu quả nhất chính là làm gương. Vị thành niên tiếp thu được kỹ năng điều tiết cảm xúc khi còn nhỏ thì lớn lên sẽ trở thành một người có cảm xúc tích cực và mức độ hài lòng với cuộc sống cao hơn. Điều chỉnh cảm xúc là một kỹ năng mà các bậc bố mẹ nên chú ý rèn luyện sao cho họ có thể sử dụng cảm xúc của mình trong chừng mực như là một yếu tố có tác động tích cực đối với con cũng như với các thành viên khác trong gia đình, chứ không phải là một yếu tố có thể làm gia tăng các biểu hiện tiêu cực.

Kết quả phân tích số liệu khảo sát cho thấy, sự quan tâm chăm sóc của bố mẹ, mức độ gắn kết và mối quan hệ với bố mẹ, cảm xúc tiêu cực của bố mẹ có mối quan hệ chặt chẽ với mức độ hài lòng với cuộc sống của vị thành niên. Có thể thấy, môi trường sống, không khí gia đình là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến mức độ hài lòng với cuộc sống của vị thành niên. Bầu không khí gia đình hòa thuận mà vị thành niên trải nghiệm trong gia đình là điều kiện tốt nhất cho sự phát triển chất lượng cuộc sống của các em. Một khi không cảm nhận được gia đình là tổ ấm, không còn tìm thấy ở gia đình sự bình yên cần thiết thì vị thành niên sẽ có những tổn thương tâm lý dẫn đến những rối nhiễu cảm xúc, tinh thần bất an và dẫn đến hài lòng với cuộc sống ở mức độ thấp. Các bậc cha mẹ cần phải hiểu rõ gia đình là cái nôi nuôi dưỡng, giáo dục đầu tiên và quan trọng nhất đối với quá trình hình thành và phát triển chất lượng cuộc sống của con. Tương lai của vị thành niên chính là hệ quả đặc biệt quan trọng của sự quan tâm dành cho con trong đời sống tâm lý, tình cảm của các bậc cha mẹ (Trần Quý Long, 2014).

4. Kết luận

Mục đích của nghiên cứu là kiểm nghiệm những yếu tố về đặc trưng nhân khẩu học - xã hội của cá nhân và đặc trưng gia đình có ảnh hưởng như thế nào đến mức độ hài lòng với cuộc sống của vị thành niên tuổi trung học và kết quả phân tích cho thấy cách thức ảnh hưởng và tầm quan trọng của từng yếu tố. Kết quả phân tích hồi quy đa biến cho thấy, mức độ hài lòng với cuộc sống của vị thành niên phụ thuộc vào những đặc trưng cá nhân và gia đình bao gồm giới tính, tuổi, thành phần dân tộc, tình trạng sức khỏe, mức sống, nơi cư trú, sự quan tâm chăm sóc của bố mẹ, cảm xúc của bố mẹ và mối quan hệ bố mẹ - con. Theo kết quả phân tích, vị thành niên là nữ, ở nhóm tuổi cao hơn, có sức khỏe kém hơn và là người dân tộc thiểu số có tỷ lệ hài lòng với cuộc sống thấp hơn so với vị thành niên có các đặc trưng khác.

Các yếu tố đặc trưng gia đình có ảnh hưởng đến sự hài lòng với cuộc sống của vị thành niên. Theo đó, vị thành niên có mức độ hài lòng với cuộc sống cao hơn khi gia đình có mức sống cao hơn, bố mẹ quan tâm chăm sóc vấn đề giải trí nhiều hơn, có mối quan hệ với bố mẹ tốt hơn, và bố mẹ ít có cảm xúc tiêu cực hơn. Qua đó cho thấy, gia đình là môi trường xã hội quan trọng bậc nhất cho sự phát triển đời sống vật chất, tinh thần của vị thành niên và một môi trường gia đình lành mạnh, hòa thuận sẽ góp phần không chỉ xây dựng gia đình phát triển ổn định mà còn đảm bảo cho sự hài lòng với cuộc sống của vị thành niên. Việc nuôi dưỡng tốt mối quan hệ giữa bố mẹ và con là điểm cốt lõi cho sự hài lòng với cuộc sống của vị thành niên. Các giải pháp, chính sách mang lại sự hài lòng với cuộc sống cho vị thành niên không chỉ quan tâm đến yếu tố điều kiện sống vật chất của gia đình mà còn tính đến các yếu tố văn hóa - tinh thần, đặc biệt là chất lượng mối quan hệ giữa bố mẹ với con tuổi vị thành niên trong gia đình.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, biện pháp tăng cường mức độ hài lòng với cuộc sống của vị thành niên tuổi trung học đặt ra yêu cầu từ phía gia đình. Các bậc bố mẹ phải tự thường xuyên xem xét về cách thức chăm sóc giáo dục, khắc phục những hạn chế của mình để tạo sự tin tưởng, thoải mái cho con ở tuổi vị thành niên. Việc tích lũy kiến thức kinh nghiệm, khoa học thường thức về chăm sóc con tuổi vị thành niên cần được các bậc bố mẹ đặc biệt quan tâm, có như vậy mới tạo được sự hài lòng với cuộc sống của vị thành niên ngày một nâng cao hơn.

Tài liệu tham khảo

Daniel M. Haybron. (2016). *Dẫn luận về hạnh phúc*. Nxb. Hồng Đức.

Dorota Strózik, Tomasz Strózik, Krzysztof Szwarc. (2016). The subjective well-being of school children. The first findings from the children's worlds study in Poland. *Child Indicators Research*. vol. 9. pp. 39-50.

Ferran Casas, Armando Bello, Mònica González, Mireia Aligué. (2013). Children's subjective well-being measured using a composite index: What impacts Spanish first-year secondary education students' subjective well-being? *Child Indicators Research*, vol. 6. pp. 433-460.

Haridhan Goswami. (2014). Children's subjective well-being: socio-demographic characteristics and personality. *Child Indicators Research*. vol. 7. pp. 119-140.

Ngô Thị Hoàng Giang. (2022). Kiểm định thang đo sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em ở Việt Nam. *Tạp chí Tâm lý học Việt Nam*. số 7.

ODI, Unicef. (2018). *Sức khỏe tâm thần và tâm lý xã hội của trẻ em và thanh niên tại một số tỉnh và thành phố ở Việt Nam*. Overseas Development Institute và UNICEF Việt Nam, Hà Nội.

Trần Quý Long. (2014). Sự quan tâm của cha mẹ đối với con cái vị thành niên trong đời sống tâm lý, tình cảm ở khu vực Bắc Trung bộ. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*. số 5.

Trương Thị Khánh Hà, Nguyễn Văn Lượt, Trần Hà Thu. (2017). *Sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em: Một số khía cạnh liên quan đến gia đình và trường học*. Kỷ yếu hội thảo quốc tế tâm lý học Khu vực Đông Nam Á lần thứ nhất: Hạnh phúc con người và phát triển bền vững. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.